

Số: /TB-UBND

Vạn Lương, ngày tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn xã Vạn Lương

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo;

Thực hiện Kế hoạch số 3416/KH-UBND ngày 26/8/2024 của UBND huyện Vạn Ninh về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2024 trên địa bàn huyện;

Thực hiện Kế hoạch số 284/KH-UBND ngày 30/8/2024 của UBND xã Vạn Lương về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã năm 2024;

Căn cứ vào kết quả họp bình xét, thống nhất danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại địa bàn 05 thôn được tổ chức từ ngày 16/10/2024 đến ngày 18/10/2024.

UBND xã Vạn Lương thông báo niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo sau khi rà soát và danh sách hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã như sau:

- Hộ nghèo: 20 hộ, 48 khẩu
- Hộ cận nghèo: 136 hộ, 525 khẩu
- Hộ thoát nghèo: 13 hộ, 45 khẩu
- Hộ thoát cận nghèo: 55 hộ, 187 khẩu
- Hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình: 187 hộ, 747 khẩu

Thời gian niêm yết: 03 ngày làm việc từ ngày 23/10/2024 đến ngày 25/10/2024.

Địa điểm: Tại UBND xã và Nhà sinh hoạt cộng đồng của 05 thôn.

Trong thời gian niêm yết đề nghị nhân dân kiểm tra các danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã năm 2024, nếu có thắc mắc, khiếu nại gì thì gặp Trưởng thôn, điều tra viên và cán bộ Lao động Thương binh và Xã hội xã để xem xét giải quyết.

Sau thời gian niêm yết nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại. UBND xã sẽ lập hồ sơ đề nghị UBND huyện Vạn Ninh thẩm định danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 và danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo năm 2024 theo đúng quy định. Mọi khiếu nại về sau UBND xã sẽ không giải quyết./.

Nhận được thông báo này đề nghị Đài truyền thanh, Ban nhân dân 05 thôn thông báo rộng rãi cho nhân dân được biết và tổ chức thực hiện theo thông báo này./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử xã;
- Đài phát thanh xã;
- 5 thôn
- Lưu: VT, TBXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Như Thoa

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHÍNH THỨC RÀ SOÁT HỘ NGHÈO; HỘ CẬN NGHÈO; HỘ LÀM NÔNG, LÂM, NGƯ, DIỆM NGHIỆP
CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2024

TT	Thôn	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát về hộ (chính thức)						Kết quả rà soát về khẩu (chính thức)					
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo		Tổng số hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp CMSTB		Tổng số khẩu nghèo		Tổng số khẩu cận nghèo		Tổng số khẩu nông, lâm, ngư, diêm nghiệp CMSTB	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số khẩu	Tỷ lệ	Số khẩu	Tỷ lệ	Số khẩu	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4=3/1	5	6=5/1	7	8=7/1	9	10=9/2	11	12=11/2	13	14=13/2
1	Tân Đức Đông	731	2682	5	0,68	30	4,10	12	1,64	13	0,48	93	3,47	55	2,05
2	Tân Đức Tây	1069	4025	3	0,28	39	3,65	35	3,27	4	0,10	168	4,17	140	3,48
3	Hiền Lương	773	2943	3	0,39	21	2,72	30	3,88	10	0,34	81	2,75	118	4,01
4	Quảng Phước	571	2262	5	0,88	24	4,20	30	5,25	15	0,66	91	4,02	110	4,86
5	Mỹ Đồng	650	2559	4	0,62	22	3,38	80	12,31	6	0,23	92	3,60	324	12,66
Tổng cộng		3.794	14.471	20	0,53	136	3,58	187	4,93	48	0,33	525	3,63	747	5,16

Vạn Lương, ngày 23 tháng 10 năm 2024

Người lập biểu

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hà Khánh

Trần Thị Như Thoa

